

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/DS-ST

Ngày 30/9/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Khả Hòa và ông Đinh Văn Lộc

Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/9/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-DS ngày 29/6/2020 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách- Xã hội (gọi tắt là Ngân hàng).

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Trương Trọng T, Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách- Xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/01/2020), có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Q, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn Mook Tr, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn, Ngân hàng Chính sách - Xã hội (Đại diện theo ủy quyền là ông Trương Trọng T) trình bày:

Ngân hàng Chính sách - Xã hội (thông qua Phòng giao dịch huyện Đ) cho bà Lê Thị Q vay vốn hai lần, cụ thể:

- Ngày 16/9/2015, Ngân hàng cho bà Q vay 12.000.000 đồng chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất 0,75%/tháng (định kỳ trả lãi: 01 tháng/lần); thời hạn cho vay 60 tháng (định kỳ trả gốc: 6 tháng/kỳ, trả 10 kỳ, mỗi kỳ trả 1.200.000 đồng), thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/9/2020.

- Ngày 17/6/2016, Ngân hàng cho bà Q vay 50.000.000 đồng chương trình Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn, lãi suất 0,75%/tháng (định kỳ trả lãi: 01 tháng/lần); thời hạn cho vay 12 tháng (định kỳ trả gốc: trả gốc 1 lần khi đến hạn), thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 17/6/2017.

Đối với khoản vay ngày 17/6/2016, bà Q đã trả cho Ngân hàng 14.368.524 đồng nợ gốc. Số tiền nợ gốc còn lại là 35.631.476 đồng.

Việc cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Trong quá trình vay vốn, bà Q đã sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm nghĩa vụ trả lãi, trả nợ gốc theo đúng cam kết, hiện nay đã đi khỏi địa phương.

Ngân hàng yêu cầu bà Q trả các khoản sau:

Đối với khoản vay ngày 16/9/2015 gồm:

- Nợ gốc 12.000.000 đồng;
- Nợ lãi tính từ ngày 10/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/7/2020) là 2.401.150 đồng;

Đối với khoản vay ngày 17/6/2016 gồm:

- Nợ gốc 35.631.476 đồng;
- Nợ lãi tính từ ngày 14/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2020) là 9.217.233 đồng.

Tổng cộng là: 59.249.859 đồng.

Bà Q còn phải trả lãi phát sinh theo thỏa thuận của 02 khoản nợ tính từ ngày 01/10/2020 cho đến khi trả nợ xong.

* Bà Lê Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt. Do đó, hồ sơ không có lời khai, ý kiến của bà Q.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Q trả cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận của 02 khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 59.249.859 đồng. Bà Q còn phải trả lãi phát sinh theo thỏa thuận của 02 khoản nợ tính từ ngày 01/10/2020 cho đến khi trả nợ xong.

Buộc bà Q chịu toàn bộ án phí của vụ án để sung quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng Chính sách- Xã hội khởi kiện bà Lê Thị Q để thu hồi nợ. Xét thấy, Ngân hàng Chính sách- Xã hội là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Bà Lê Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Q.

[3] Căn cứ hợp đồng tín dụng (sổ vay vốn, bút lục số 11), giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (bút lục số 07; 09) và các chứng cứ khác do Ngân hàng cung cấp, có căn cứ để nhận định:

Ngày 16/9/2015, Ngân hàng cho bà Q vay 12.000.000 đồng chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất 0,75%/tháng (định kỳ trả lãi: 01 tháng/lần); thời hạn cho vay 60 tháng (định kỳ trả gốc: 6 tháng/kỳ, trả 10 kỳ, mỗi kỳ trả 1.200.000 đồng), thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/9/2020.

Ngày 17/6/2016, Ngân hàng cho bà Q vay số tiền 50.000.000 đồng chương trình Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo hợp đồng tín dụng, lãi suất 0,75%/tháng (định kỳ trả lãi: 01 tháng/lần); thời hạn cho vay 12 tháng (định kỳ trả gốc: trả gốc 1 lần khi đến hạn), thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 17/6/2017.

Đối với khoản vay ngày 17/6/2016, bà Q đã trả cho Ngân hàng 14.368.524 đồng nợ gốc. Số tiền nợ gốc còn lại là 35.631.476 đồng.

Trong quá trình vay vốn, bà Q đã sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm nghĩa vụ nợ gốc, nợ lãi, hiện nay đã đi khỏi địa phương.

Ngân hàng yêu cầu bà Q trả nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận của 02 khoản nợ nói trên.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ. Cần áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: buộc bà Lê Thị Q trả cho Ngân hàng các khoản sau:

- Đối với khoản vay ngày 16/9/2015 gồm: Nợ gốc 12.000.000 đồng; Nợ lãi tính từ ngày 10/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/7/2020) là 2.401.150 đồng;
- Đối với khoản vay ngày 17/6/2016 gồm: Nợ gốc 35.631.476 đồng; Nợ lãi tính từ ngày 14/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2020) là 9.217.233 đồng.

Tổng cộng là: 59.249.859 đồng.

Bà Q còn phải trả lãi phát sinh theo thỏa thuận của 02 khoản nợ tính từ ngày 01/10/2020 cho đến khi trả nợ xong.

[4] Về án phí: Buộc bà Q chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 357 của Bộ luật dân sự; các Điều 144, 147, 157, 158, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách- Xã hội.

1. Buộc bà Lê Thị Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách- Xã hội (thông qua phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách - Xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai) các khoản:

- Đối với khoản vay ngày 16/9/2015 gồm: Nợ gốc 12.000.000 đồng; Nợ lãi tính từ ngày 10/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/7/2020) là 2.401.150 đồng;

- Đối với khoản vay ngày 17/6/2016 gồm: Nợ gốc 35.631.476 đồng; Nợ lãi tính từ ngày 14/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2020) là 9.217.233 đồng.

Tổng cộng là: 59.249.859 đồng (năm mươi chín triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm năm mươi chín đồng).

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Q chịu 2.962.493 đồng (hai triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Ngân hàng Chính sách- Xã hội không phải chịu án phí.

5. Các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Hùng Hưng

